

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Số: 14 /2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật chăn nuôi,

Xét Tờ trình số 244/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 183/BC-VHXXH ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ di dời đối với các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động sản xuất trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các tổ chức, cá nhân chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến Nghị quyết này.

Điều 2. Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi

Khu vực không được phép chăn nuôi các loại vật nuôi bao gồm gia súc, gia cầm và các loại động vật khác trong chăn nuôi (trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bao gồm:

1. Toàn bộ các phường thuộc thành phố Vũng Tàu, thành phố Bà Rịa và thị xã Phú Mỹ.
2. Khu trung tâm, khu dân cư hiện hữu, khu dân cư theo quy hoạch, khu vực phát triển đô thị đã được xác định, định hướng theo quy hoạch chung thị trấn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại địa bàn các thị trấn thuộc các huyện và các khu dân cư thuộc huyện Côn Đảo.
3. Các công trình công cộng, khu trung tâm xã, khu chức năng khác trên địa bàn xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã tại địa bàn các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Vùng nuôi chim yến

1. Vùng được phép nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là vùng nằm ngoài các khu vực được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Nhà nuôi chim yến phải có khoảng cách tối thiểu 300 mét tính từ ranh giới vùng không được phép chăn nuôi.
2. Các cơ sở nuôi chim yến phải đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật Chăn nuôi và khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Hỗ trợ tháo dỡ, di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Đối tượng hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi với quy mô chăn nuôi từ 01 đơn vị vật nuôi (tương đương với 500 kg khối lượng vật nuôi sống) trở lên đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này thực hiện tháo dỡ, di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Nuôi gia súc, gia cầm và các động vật khác thuộc Danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam theo Điều 27 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

b) Các cơ sở chăn nuôi thuộc danh sách phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Mỗi cơ sở thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết này chỉ được ngân sách địa phương hỗ trợ một lần.

b) Chính sách hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc tháo dỡ, di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi có xác nhận của chính quyền địa phương.

c) Các tổ chức, cá nhân chăn nuôi được hưởng hỗ trợ từ chính sách này phải chịu sự kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách hỗ trợ di dời của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời hoặc chấm dứt hoạt động với mức 1.000.000 đồng/đơn vị vật nuôi tại thời điểm ngưng hoạt động, nhưng không quá 30.000.000 đồng/cơ sở.

5. Trình tự thực hiện

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) căn cứ quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này chỉ đạo, tổ chức xác định ranh giới các vùng thuộc khu vực không được phép chăn nuôi trên từng địa bàn các xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) và công khai để người dân được biết.

Thời gian hoàn thành việc xác định và công khai ranh giới: 60 ngày kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai, thực hiện công tác kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 Luật Chăn nuôi và hướng dẫn tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

Thời gian triển khai, thực hiện: 120 ngày kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

c) Cá nhân, tổ chức là chủ cơ sở chăn nuôi đăng ký cam kết thực hiện tháo dỡ, di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi, gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã (*theo mẫu kê khai đính kèm*). Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận bản đăng ký của cá nhân, tổ chức là chủ cơ sở chăn nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi bản kê khai của cá nhân, tổ chức đến Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận bản đăng ký của cá nhân, tổ chức là chủ cơ sở chăn nuôi, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ kiểm kê để tổ chức kiểm kê, lập biên bản ghi nhận hiện trạng, xác định số đơn vị vật nuôi hiện có tại thời điểm xác minh của từng cơ sở chăn nuôi trong vùng không được phép chăn nuôi và xác nhận thời gian thực hiện tháo dỡ, di dời.

đ) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập danh sách, xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí hỗ trợ cho việc tháo dỡ di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hằng năm.

e) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức nghiệm thu, xác nhận cơ sở đã hoàn thành công tác tháo dỡ, di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, cấp kinh phí hỗ trợ.

h) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cơ sở chăn nuôi hoàn thành công tác tháo dỡ, di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định chi trả tiền hỗ trợ theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả cho chủ cơ sở chăn nuôi trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí hỗ trợ chính sách tháo dỡ, di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi được bố trí trong dự toán ngân sách cấp huyện theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Đối với các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà thuộc khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này thì phải ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời đến địa điểm phù hợp trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các cơ sở thuộc diện phải di dời theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mà không thực hiện đúng thời gian quy định và các cơ sở chăn

nuôi phát sinh trong khu vực không được phép chăn nuôi kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sẽ không được hỗ trợ di dời và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, SNN, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Phạm Viết Thanh

MẪU KÊ KHAI CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI
(Kèm theo Nghị quyết số 14 /2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KÊ KHAI CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

Tên chủ hộ:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại (nếu có):.....,

STT	Loại vật nuôi	Đơn vị tính	Số lượng nuôi hiện tại	Mục đích nuôi	Thời gian bắt đầu nuôi	Dự kiến thời gian chấm dứt hoạt động chăn nuôi	Số lượng vật nuôi xuất trong năm (con)	Sản lượng vật nuôi xuất trong năm (kg)	Ghi chú
1									
2									
...									

Ghi chú: Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai chấm dứt hoạt động chăn nuôi nộp bản kê khai trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua thư điện tử, email, fax.

....., Ngày tháng năm

Họ và tên chủ hộ
(Ký, ghi rõ họ tên)